

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỨ KỲ  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 18 – 8 – 2024.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Mỹ Như.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Việt Long;
- Ông Trịnh Văn Hưng.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan, kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 197x; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn Q, sinh năm 196x; Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

(Chị H có mặt, anh Q vắng mặt.)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Đoàn Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn, được UBND xã C, huyện TK, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/9/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng nhau tại riêng của hai vợ chồng ở thôn Đ, xã C, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Vợ

chồng không có hạnh phúc từ khi về chung sống với nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh Q là người gia trưởng, luôn áp đặt mọi thứ buộc chị phải theo ý của anh, mỗi lần chị làm điều gì không theo ý là anh Q dùng những từ ngữ khó nghe xúc phạm chị. Vợ chồng không chia sẻ được với nhau. Tuy sống cùng chung một nhà nhưng vợ chồng chị đã ăn riêng, ngủ riêng, sinh hoạt riêng từ khoảng tháng 5 năm 2023 và sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị ly hôn với anh Q .

Về con chung: Chị H và anh Q có 03 con chung là Đoàn Thị N , sinh ngày 14/9/199x; Đoàn Thị H , sinh ngày 25/5/200x và Đoàn Việt T , sinh ngày 12/6/200x, Hai còn chung là N và H đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Con chung là Đoàn Việt T đang ở cùng với chị và anh Q . Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu T . Trường hợp cháu T muốn sống với chị, chị nhất trí và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Trường hợp cháu T có nguyện vọng muốn sống với anh Q , chị cũng thống nhất và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Hai vợ chồng tự thỏa thuận nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh Đoàn Văn Q đến Toà làm việc nhưng anh Q vắng mặt, đồng thời anh Q cũng không có văn bản ghi ý kiến thể hiện quan điểm của anh đối với yêu cầu của chị H .

Kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân xã và các đoàn thể xã C , trưởng thôn Đ đều cung cấp: Chị H và anh Q là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C , huyện TK , tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống, làm ăn tại địa phương và có 03 con chung như lời trình bày của chị H . Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị H đi làm công ty, anh Q ở nhà, thỉnh thoảng vợ chồng xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Anh Q và chị H sống tại nhà riêng của anh, chị. Bố, mẹ anh Q đã chết và gia đình chị H ở xa. Nay chị H xin ly hôn với anh Q , đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xem xét giải quyết theo nguyện vọng của con chung để đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đoàn Văn Q ; Về con chung: Giao con chung Đoàn Việt T , sinh ngày 12/6/2008 cho anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đoàn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Q tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện TK, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/9/1993 nên hôn nhân giữa chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng mâu thuẫn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Q . Căn cứ vào lời trình bày của chị H và biên bản xác minh tại địa phương cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Q mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong tính cách, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bên cạnh đó, lời trình bày của chị H thể hiện tuy chị và anh Q sống cùng nhà nhưng đã sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, kinh tế độc lập. Đối với anh Q , mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Quân, triệu tập nhưng anh Q không đến Tòa án để làm việc cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến của anh về yêu cầu của chị H . Qua đó, cho thấy anh Q biết việc chị H yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh bỏ mặc, không quan tâm, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không mong muốn đoàn tụ tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình cùng với chị H . Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Q .

[3] Về con chung: Chị H và anh Q có 03 con chung là Đoàn Thị N , sinh ngày 14/9/199x; Đoàn Thị H, sinh ngày 25/5/200x và Đoàn Việt T, sinh ngày 12/6/200x, hiện nay cháu N và cháu H đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết. Đối với cháu Đoàn Việt T , sinh ngày 12/6/200x, cháu đang sống cùng với anh Q và chị H. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, chị H cung cấp đơn đề nghị của cháu Tiến thể hiện cháu có nguyện vọng muốn sống cùng với bố là anh Đoàn Văn Q . Tại phiên tòa, chị H cũng thống nhất giao con chung là cháu Đoàn Việt T cho anh

Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tuy anh Q vắng mặt, không thể hiện quan điểm của anh về việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung nhưng xét thấy hiện nay, cháu T đang sống ổn định cùng với anh Q và có nguyện vọng muốn sống với anh Quân. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển toàn diện của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Đoàn Việt T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Do được chấp nhận yêu cầu nên chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

[1] Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đoàn Văn Q .

[2] Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Việt T , sinh ngày 12/6/200x cho anh Đoàn Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0005572 ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

[4] Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đoàn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã C, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Mỹ Như**